

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa  
trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng  
quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021 - 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tại Tờ trình số 96/TTr-BQL ngày 26 tháng 9 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 04 thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh theo Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 2.** Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- TT Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, K6, KSTT<sup>(C)</sup>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ**  
*(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	DVC trực tuyến toàn trình	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung chuẩn hóa	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
<b>Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</b>									
1	Cấp giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010727.000.00.00.H08)	- Thời hạn giải quyết thủ tục cấp Giấy phép môi trường: + Tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 127 Hai Bà Trưng, Thành phố Quy Nhơn	Có	X	<b>Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường:</b> - Đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp phép môi trường của UBND tỉnh trong trường hợp có khảo sát thực tế đối với các dự án không thuộc đối tượng thực hiện đánh giá tác động môi trường; dự án đang hoạt động theo quy định tại điểm c, khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của	Sửa đổi mức thu phí thực hiện TTHC	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường; - Quyết định số 1746/QĐ-	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	DVC trực tuyến toàn trình	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung chuẩn hóa	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		<p>với các trường hợp sau đây:</p> <p>(1) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</p> <p>(2) Dự án đầu tư, cơ sở đổ nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp</p>				<p>Chính phủ là: <b>14.000.000đồng/giấy phép</b></p> <p>- Đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp phép môi trường của UBND tỉnh trong trường hợp không khảo sát thực tế đối với các dự án đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại điểm c, khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ là: <b>11.000.000 đồng/giấy phép</b></p> <p>Nộp trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính</p>		<p>UBND ngày 01/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh;</p>	

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	DVC trực tuyến toàn trình	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung chuẩn hóa	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		<p><i>phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</i></p> <p>+ Tối đa <b>30</b> ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là <b>10</b> ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với các trường hợp còn lại.</p> <p>(Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa,</p>							

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	DVC trực tuyến toàn trình	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung chuẩn hóa	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép)							
2	Cấp đổi giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010728.000.00.00.H08)	<p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Không quy định.</p> <p>- Thời hạn cấp đổi giấy phép môi trường: Tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép)</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 127 Hai Bà Trưng, Thành phố Quy Nhơn	Không	X	Không	Sửa đổi mức thu phí thực hiện TTHC	<p>- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường;</p> <p>- Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày</p>	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	DVC trực tuyến toàn trình	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung chuẩn hóa	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								01/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; - Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh;	
3	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010729.000.00.00.H08)	<p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định.</p> <p>- Thời hạn kiểm tra, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>(Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 127 Hai Bà Trưng, Thành phố Quy Nhơn	Không	X	<b>Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường điều chỉnh:</b> 35% mức phí cấp lần đầu tương ứng (Nộp trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính)	Sửa đổi mức thu phí thực hiện TTHC	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	DVC trực tuyến toàn trình	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung chuẩn hóa	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép).						và Môi Trường; - Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; - Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh;	
4	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010730.000.00.00.H08)	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn kiểm tra, cấp lại giấy phép môi trường: + Tối đa <b>20</b> (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 127 Hai Bà Trưng, Thành phố Quy Nhơn	Có	X	<b>Phí thẩm định cấp lại giấy phép môi trường:</b> - Đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp phép môi trường của UBND tỉnh trong trường hợp có khảo sát thực tế đối với các dự án không thuộc đối	Sửa đổi mức thu phí thực hiện TTHC	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Thông tư số	-



STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	DVC trực tuyến toàn trình	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung chuẩn hóa	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		<p>sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau:</p> <p>(1) Giấy phép đã cấp hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng;</p> <p>(2) Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi</p>				<p>tương thực hiện đánh giá tác động môi trường; dự án đang hoạt động theo quy định tại điểm c, khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ là: <b>14.000.000đồng/giấy phép</b></p> <p>- Đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp phép môi trường của UBND tỉnh trong trường hợp không khảo sát thực tế đối với các dự án đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại điểm c, khoản 4 Điều</p>		<p>02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường;</p> <p>- Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>- Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh;</p>	

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	DVC trực tuyến toàn trình	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung chuẩn hóa	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		<p><i>đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung);</i></p> <p>+ Tối đa <b>30</b> (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau:</p> <p><i>(1) Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi</i></p>				<p>29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ là: <b>11.000.000 đồng/giấy phép</b> (Nộp trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính)</p>			

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	DVC trực tuyến toàn trình	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung chuẩn hóa	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		<p><i>thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường;</i></p> <p><i>(2) Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi</i></p>							

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	DVC trực tuyến toàn trình	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung chuẩn hóa	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		<p><i>trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ nhiễu tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy</i></p>							

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	DVC trực tuyến toàn trình	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung chuẩn hóa	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		<p>phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.</p> <p>(trong đó, tối đa <b>15</b> ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</li> <li>• Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh,</li> </ul>							

